TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/KDTM-ST
Ngày: 30/7/2024
V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoa.

2. Ông Nguyễn Văn Viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Lê – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2024/TLST-KDTM ngày 11 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 7 năm 2024 . Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 và tầng 5, tòa nhà Corner Stone, số 16, phố Phan Chu Trinh, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Lưu Quyết T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Tuấn C– Chuyên viên cao cấp Phòng xử lý nợ, Khối QLRR (Theo Giấy ủy quyền số 06/2024/UQ-BVB ngày 02/01/2024. Có mặt.

- Bị đơn: Công ty cổ phần D.

Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 9, khu phố Mới, thị trấn Q, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị M – Chức danh: Tổng giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2020 và Đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 21/3/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/01/2019, Công ty cổ phần D (sau đây gọi tắt là Công ty D và Ngân hàng TMCP B (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) đã ký Hợp đồng tín dụng (Cho vay từng lần đối với khách hàng là pháp nhân) số 0012/2019/HĐTD1/BVB046 để vay số tiền 765.000.000đ (Bảy trăm sáu mươi lăm triệu đồng) với thời hạn 60 tháng; Mục đích sử dụng vốn: thanh toán tiền mua xe ô tô. Hợp đồng tín dụng còn nêu cụ thể: phương thức cho vay, tài sản bảo đảm tiền vay, mức lãi suất áp dụng, phương thức tính lãi,….

Ngân hàng đã thực hiện giải ngân số tiền trên cho Công ty D theo Khế ước nhận nợ số 0012/2019/KUNN1/BVB046 ngày 15/01/2019.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ngày 15/01/2019 tại Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Cầu Giấy, Công ty D cùng với Ngân hàng ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 0001/2019/HĐTC/BVB046 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng thế chấp). Tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fortuner, số khung 3GS0J1101675, số máy 2GDC461826, đăng kí BKS số 30F-529.63, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 535340 ngày 09/01/2019, chủ xe là Công ty cổ phần D.

Từ ngày 16/10/2019, Công ty D đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình. Theo Khế ước nhận nợ, đến ngày 16/01/2024 phải tất toán khoản vay nhưng đến nay Công ty vẫn chưa trả nợ cho Ngân hàng. Hiện toàn bộ nợ gốc đã bị chuyển nợ quá hạn. Tại Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 21/3/2024, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty Dng phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 21/02/2024 là: 1.096.280.242 đồng trong đó: Nợ gốc: 663.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 155.239.466 đồng; Nợ lãi quá hạn: 232.636.096 đồng; Lãi chậm trả lãi: 45.404.680 đồng.

- Công ty D phải tiếp tục trả tiền lãi, tiền phạt hoặc các chi phí khác theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trên tổng số tiền chưa thanh toán phát sinh từ

ngày 22/02/2024 cho đến khi thanh toán hết các nghĩa vụ cho Ngân hàng.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà Công ty D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm như đã nêu để thu hồi nợ.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty D vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng.

Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Công ty D và cho người đại diện theo pháp luật của công ty theo địa chỉ ghi trong Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp công ty cổ phần nhưng các đương sự không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến. Qua xác minh cho thấy, Công ty D không treo biển công ty và không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Ngân hàng yêu cầu Tòa án:

1. Buộc Công ty D phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ đã ký, tạm tính đến ngày 30/7/2024, là:1.149.330.662đ (Một tỷ, một trăm bốn mươi chín triệu ba trăm ba mươi nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 663.000.000đ (Sáu trăm sáu mươi ba triệu đồng).

+ Nợ lãi trong hạn: 155.239.466đ (Một trăm năm mươi lăm triệu hai trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

+ Nợ lãi quá hạn: 278.881.499đ (Hai trăm bảy mươi tám triệu tám trăm tám mươi mốt nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng).

+ Lãi chậm trả lãi: 52.209.697đ (Năm mươi hai triệu hai trăm linh chín nghìn sáu trăm chín mươi bảy đồng).

2. Buộc Công ty D tiếp tục phải trả lãi phát sinh trên tổng số tiền chưa thanh toán kể từ ngày 31/7/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà Công ty D không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thông toán hết khoản nợ thì Công ty D vẫn phải trả hết nợ cho Ngân hàng.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 217, 219, 292, 299, 303, 307, 317, 319, 335, 463, 466 và 468 Bộ Luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty cổ phần D phải trả Ngân hàng TMCP B số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 30/7/2024 cụ thể như đại diện ngân hàng trình bày tại phiên tòa. Kể từ ngày 31/7/2024, Công ty cổ phần D phải chịu lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong HĐTD đã ký và phù hợp với quy định của pháp luật cho đến ngày trả hết nợ. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP B thì lãi suất mà Công ty cổ phần D phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP B theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP B. Trường hợp Công ty cổ phần D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị tuyên Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm như đã nêu, để thu hồi nợ. Số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thông toán hết khoản nợ thì Công ty cổ phần D vẫn phải trả hết nợ cho Ngân hàng. Do bị đơn không có yêu cầu phản tố, nên không xem xét và dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng vụ án khác nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả trông tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Ngân hàng TMCP B khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn là Công ty cổ phần D có địa chỉ trụ sở chính ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần tại số nhà 9, khu phố Mới, thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Q thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là Công ty D và người đại diện theo pháp luật của công ty là bà Phạm Thị Mến nhưng các đương sự vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa mà không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về nội dung và hiệu lực của Hợp đồng tín dụng:

Ngày 15/01/2019, Công ty D đã ký Hợp đồng tín dụng (Cho vay từng lần đối với khách hàng là pháp nhân) số 0012/2019/HĐTD1/BVB046 với Ngân hàng thương mại cổ phần B để vay số tiền765.000.000đ (Bảy trăm sáu mươi lăm triệu đồng) với thời hạn vay trong 60 tháng; Mục đích sử dụng vốn: thanh toán tiền mua xe ô tô. Ngân hàng đã thực hiện giải ngân số tiền này cho công ty theo Khế ước nhận nợ số 0012/2019/KUNN1/BVB046 ngày 15/01/2019.

Các chủ thể đã tự nguyện thoả thuận ký kết Hợp đồng tín dụng theo hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại Điều 385, 401 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 14 và 16 Điều 4, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017. Do đó, Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ phát sinh hiệu lực đối với các bên.

[2.2]. Về yêu cầu trả nợ gốc, lãi:

Sau khi được giải ngân, Công ty D đã trả được 102.000.000đ (Một trăm linh hai triệu đồng) nợ gốc và 55.554.426đ (Năm mươi lăm triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm hai mươi sáu đồng) lãi trong hạn. Theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ, đến ngày 16/01/2024 Công ty D phải tất toán khoản vay cho Ngân hàng nhưng thực tế từ ngày 16/10/2019 đến nay công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình. Hiện toàn bộ dư nợ gốc 663.000.000đ (Sáu trăm sáu mươi ba triệu đồng) đã chuyển sang nợ quá hạn.

Tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ, các bên đã tự nguyện thỏa thuận cụ thể về lãi suất cho vay, phương pháp tính lãi, kỳ trả lãi, phương thức trả nợ. Thỏa thuận này hoàn toàn phù hợp với quy định về lãi suất cho vay tại Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017; Điều 7, khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ bảng kê tính lãi của khoản vay, Hội đồng xét xử thấy: Mức lãi suất của khoản vay đã được Ngân hàng áp dụng, điều chỉnh đúng như đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế nhận nợ và không vượt quá quy định của pháp luật về lãi suất cho vay. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về trả nợ gốc, nợ lãi như đại diện Ngân hàng trình bày tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận. Buộc Công ty D phải trả Ngân hàng TMCP B số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng (Cho vay từng lần đối với khách hàng là pháp nhân) số 0012/2019/HĐTD1/BVB046 ngày 15/01/2019 và Khế ước nhận nợ số 0012/2019/KUNN1/BVB046 ngày 15/01/2019, tạm tính đến ngày 30/7/2024 là 1.149.330.662đ (Một tỷ, một trăm bốn mươi chín triệu ba trăm ba mươi nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 663.000.000đ (Sáu trăm sáu mươi ba triệu đồng).

+ Nợ lãi trong hạn: 155.239.466đ (Một trăm năm mươi lăm triệu hai trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

+ Nợ lãi quá hạn: 278.881.499đ (Hai trăm bảy mươi tám triệu tám trăm tám mươi mốt nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng).

+ Lãi chậm trả lãi: 52.209.697đ (Năm mươi hai triệu hai trăm linh chín nghìn sáu trăm chín mươi bảy đồng).

Buộc Công ty Doakata phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 31/7/2024 của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ nói trên cho đến khi thanh toán hết nợ, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP B thì lãi suất mà Công ty D phải tiếp tục

thanh toán cho Ngân hàng TMCP B theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP B.

[2.3] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ:

Ngày 15/01/2019 tại Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Cầu Giấy, Công ty D cùng với Ngân hàng ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 0001/2019/HĐTC/BVB046 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng thế chấp). Theo Hợp đồng thế chấp này, Công ty D đồng ý thế chấp tài sản là: 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fortuner, số khung 3GS0J1101675, số máy 2GDC461826, đăng kí BKS số 30F-529.63, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 535340 ngày 09/01/2019, chủ xe là Công ty cổ phần D.

Các chủ thể tham gia ký kết hợp đồng thế chấp có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; Hợp đồng đảm bảo về nội dung và hình thức theo quy định của pháp luật. Việc thế chấp đã được các bên đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng tại Trung tâm đăng kí giao dịch, tài sản tại Hà Nội ngày 15/01/2019 là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 295 và 298 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, Hợp đồng thế chấp phát sinh hiệu lực và có giá trị pháp lý kể từ thời điểm đăng ký thế chấp.

Đến nay, khoản nợ đã quá hạn toàn bộ, quá cả thời hạn phải tất toán khoản vay nên Ngân hàng đề nghị được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp nói trên trong trường hợp khi bản án có hiệu lực pháp luật mà Công ty D vẫn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Yêu cầu này của Ngân hàng là hoàn toàn phù hợp với thỏa thuận của các bên về xử lý tài sản thế chấp quy định tại Điều 5 của Hợp đồng thế chấp,; Phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017, Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ Quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, Điều 299, 303 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ nếu Công ty D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

[3]. Về án phí: Công ty D phải chịu toàn bộ 46.480.000đ (Bốn mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 295, 298, 299, 303, 385, 401 và 466 Bộ Luật Dân sự 2015.

Căn cứ Điều 4, 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017.

Căn cứ Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Căn cứ Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ Quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Căn cứ Điều 7 và 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B đối với Công ty cổ phần D.

2. Buộc Công ty cổ phần D phải trả Ngân hàng TMCP B số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng (Cho vay từng lần đối với khách hàng là pháp nhân) số 0012/2019/HĐTD1/BVB046 ngày 15/01/2019 và Khế ước nhận nợ số 0012/2019/KUNN1/BVB046 ngày 15/01/2019, tạm tính đến ngày 30/7/2024, tổng số tiền là 1.149.330.662đ (Một tỷ, một trăm bốn mươi chín triệu ba trăm ba mươi nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 663.000.000đ (Sáu trăm sáu mươi ba triệu đồng).

+ Nợ lãi trong hạn: 155.239.466đ (Một trăm năm mươi lăm triệu hai trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

+ Nợ lãi quá hạn: 278.881.499đ (Hai trăm bảy mươi tám triệu tám trăm tám mươi mốt nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng).

+ Lãi chậm trả lãi: 52.209.697đ (Năm mươi hai triệu hai trăm linh chín nghìn sáu trăm chín mươi bảy đồng).

3. Buộc ông Công ty cổ phần D phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 31/7/2024 của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng (Cho vay từng lần đối với khách hàng là pháp nhân) số 0012/2019/HĐTD1/BVB046 ngày 15/01/2019 và Khế ước nhận nợ số 0012/2019/KUNN1/BVB046 ngày 15/01/2019, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP B thì lãi suất mà Công ty cổ phần D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP B theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP B.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, trường hợp Công ty cổ phần B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP B có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 0001/2019/HĐTC/BVB046 ngày 15/01/2019, để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Tài sản bảo đảm đã được các bên đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng kí giao dịch, tài sản tại Hà Nội ngày 15/01/2019. Tài sản bảo đảm là: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fortuner, số khung 3GS0J1101675, số máy 2GDC461826, đăng kí BKS số 30F-529.63, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 535340 ngày 09/01/2019, chủ xe là Công ty cổ phần D.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm dùng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty cổ phần D cho Ngân hàng TMCP B. Nếu không đủ, Công ty cổ phần D vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP B.

5. Về án phí:

- Công ty cổ phần D phải chịu toàn bộ 46.480.000đ (Bốn mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng TMCP B số tiền 22.444.000đ (Hai mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019964 ngày 11/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, Thành phố Hà Nội.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS H. Q;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ VA; VPTA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đào Thị Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân	Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS H. Q;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ VA; VPTA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đào Thị Thúy